

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 08/6/2020

(V/v: Ly hôn, nuôi con chung)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Lê Thị Kiều Thu.

2. Ông: Nguyễn Bính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 202/2020/TLST- HNGĐ ngày 13/5/2020 “V/v: Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị A, sinh năm: 1978.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Minh B, sinh năm: 1971.

Cùng địa chỉ: khu phố C, phường D, thành phố PT, tỉnh BT.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 5 năm 2020, biên tự khai ngày 20/5/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Lê Thị A trình bày:**

-Về quan hệ hôn nhân: bà và ông B tự tìm hiểu chung sống vào năm 1993, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình vợ chồng sống hạnh phúc cho đến khoảng thời gian gần đây ông B thường hay nhậu nhẹt về nhà kiếm chuyện chửi bới xúc phạm bà và cha mẹ bà. Mặt khác còn hành hung đánh đập bà vì vậy dẫn đến vợ chồng sống không hạnh phúc nữa, do sống chung không được nên tháng 7/2019 bà ra ngoài thuê nhà trọ ở cho đến nay. Nay bà không còn tình cảm với ông B nữa, do không đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng.

- Về con chung: có 4 con chung Nguyễn Thị Thu E, sinh năm 1994, Nguyễn Minh F, sinh năm 1997, Nguyễn Minh G, sinh năm 2001, Nguyễn Minh H, sinh ngày 03/6/2010. Khi ly hôn, bà nuôi con Nguyễn Minh H, sinh ngày 03/6/2010,

không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Riêng 03 con lớn đã đủ tuổi trưởng thành.

- **Về tài sản chung và nợ chung**: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay bà A trình bày: bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng. Về con chung Nguyễn Minh H, sinh ngày 03/6/2010, do hiện nay bà ở nhà trọ không có điều kiện nên giao con Minh H cho ông B nuôi. Về tài sản chung và nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***/Theo bản tự khai ngày 20/5/2020 bị đơn ông Nguyễn Minh B trình bày:**

- **Về quan hệ hôn nhân**: ông và bà A tự tìm hiểu chung sống vào năm 1993, không đăng ký kết hôn. Ông và bà chung sống hạnh phúc, khoảng thời gian sau này vợ chồng bất đồng nhau về một số chuyện nên ông có nóng đánh bà A vài bạt tai. Ông biết sai có an ủi vợ nhưng bà A tự bỏ nhà ra ngoài thuê nhà trọ ở từ tháng 7/2019 cho đến nay. Nay bà A yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng thì ông đồng ý.

- **Về con chung**: có 4 con chung Nguyễn Thị Thu E, sinh năm 1994, Nguyễn Minh F, sinh năm 1997, Nguyễn Minh G, sinh năm 2001, Nguyễn Minh H, sinh ngày 03/6/2010. Khi ly hôn, ông đồng ý giao con Nguyễn Minh H, sinh ngày 03/6/2010 cho bà A nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Riêng 03 con lớn đã đủ tuổi trưởng thành.

- **Về tài sản chung và nợ chung**: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay ông B trình bày: yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa ông và bà A là quan hệ vợ chồng. Ông đồng ý nuôi con Nguyễn Minh H, sinh ngày 03/6/2010, không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ Luật tố tụng dân sự quy định và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Lê Thị A và ông Nguyễn Minh B là quan hệ vợ chồng, về con chung giao cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 03/6/2010 cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, ông B không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con. Bà A được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. 03 con Nguyễn Thị Thu E, sinh năm 1994, Nguyễn Minh F, sinh năm 1997, Nguyễn Minh G, sinh năm 2001 đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: ông B, bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: thẩm quyền giải quyết vụ án, phía bị đơn ông Nguyễn Minh B có nơi cư trú tại khu phố C, phường D, thành phố PT, tỉnh BT. Căn cứ theo qui định tại khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị A về việc “*Ly hôn, nuôi con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố PT.

[2]Về nội dung khởi kiện:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]**Về quan hệ hôn nhân:** bà Lê Thị A và ông Nguyễn Minh B tự nguyện tìm hiểu chung sống vào năm 1993 và có bốn con chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Nay mâu thuẫn phát sinh bà A, ông B yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa bà A và ông B là vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy bà A, ông B có quá trình chung sống như vợ chồng nhưng không tạo điều kiện đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nay mâu thuẫn phát sinh cả hai ông bà đều có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng, do vậy căn cứ vào Điều 9, khoản 01 Điều 14, khoản 02 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Lê Thị A và ông Nguyễn Minh B là quan hệ vợ chồng là đúng theo quy định pháp luật.

[2.2]**Về con chung:** có 4 con chung Nguyễn Thị Thu E, sinh năm 1994, Nguyễn Minh F, sinh năm 1997, Nguyễn Minh G, sinh năm 2001, Nguyễn Minh H, sinh ngày 03/6/2010. Tại phiên tòa, bà A và ông B thỏa thuận giao cháu H cho ông B nuôi dưỡng, ông B không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay cháu H đang ở với ông B có cuộc sống ổn định nên giao cháu H cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con ông B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét. Riêng 03 con Nguyễn Thị Thu E, sinh năm 1994, Nguyễn Minh F, sinh năm 1997, Nguyễn Minh G, sinh năm 2001 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động.

[2.3]Về tài sản chung và nợ chung: bà A, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xét.

[2.4]Về án phí: bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/Căn cứ vào: khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, khoản 01 Điều 14, khoản 02 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC –BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao – Viện kiểm sát nhân dân Tối cao – Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị A.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Lê Thị A và ông Nguyễn Minh B là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: giao con Nguyễn Minh H, sinh ngày 03/6/2010 cho ông Nguyễn Minh B trực tiếp nuôi dưỡng. Ông B không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

Bà A có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Riêng 03 con Nguyễn Thị Thu E, sinh năm 1994, Nguyễn Minh F, sinh năm 1997, Nguyễn Minh G, sinh năm 2001 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động.

3/ Án phí: bà Lê Thị A nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Bà A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0007462 ngày 13/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố PT.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/6/2020).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- UBND phường D;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

VŨ THỊ THU HÀ